TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊNHUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 85/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023; Về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh X, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 33/109 đường M, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Số 56/82 đường Q, phường T, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 33/109 đường M, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Thanh X đều trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn P quen biết nhau tự nguyện, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc và thường xuyên chửi bới đánh đập chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017, không quan tâm gì đến nhau. Vào năm 2018, do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị có gửi đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý, nhưng sau đó chị rút đơn để tìm cách đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên sau khi rút đơn, chị và anh P vẫn không thể

chung sống với nhau, mâu thuẫn vẫn trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tiếp tục khởi kiện lại, xin ly hôn anh Phước để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị X khai chị và anh P có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2003 và Huỳnh Minh N, sinh ngày 24/01/2013. Chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị X khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Văn P không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Ngày 05/7/2023, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21/06/2023, cháu Huỳnh Minh N (con trai anh P chị X) trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2023, cháu Huỳnh Thị Minh T (con gái anh P chị X) trình bày: Qúa trình ba mẹ cháu chung sống với nhau, cháu thấy ba mẹ không có hạnh phúc. Ba mẹ cháu sống ly thân cũng đã 06 đến 07 năm. Cháu thấy ba mẹ không còn tình cảm với nhau nữa và không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Do đó, cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho ba mẹ cháu được ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Huỳnh Văn P, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Minh N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Huỳnh Thị Minh T hiện đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh X được ly hôn anh Huỳnh Văn P.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày 24/01/2013 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2003 hiện đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X anh P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Thanh X khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Huỳnh Văn P. Anh P có nơi cư trú tại: Số 33/109 đường M, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn P và chị Huỳnh Thị Thanh X có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế vào ngày 16/9/2003 (số 51, năm 2003). Như vậy, hôn nhân giữa anh P và chị X là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của chị X thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh P không lo làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc và thường xuyên chửi bới đánh đập chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay là phù hợp với xác minh tại chính quyền địa phương phường Thủy Xuân, thành phố Huế xác nhận "*vợ chồng anh P và chị X không còn chung sống với nhau đã 06-07 năm nay*". Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh P và chị X không tồn tại.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, nhưng anh P không đến Toà án để làm việc, hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, không liên lạc với chị X là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn để hòa giải đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh P và chị X đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị X, cho chị X được ly hôn anh P.

[2.3] Về con chung: Chị X và anh P có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2003 và Huỳnh Minh N, sinh ngày 24/01/2013. Hiện cháu N đang ở với chị X.

Xét yêu cầu của chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu Nhật, không làm xáo trộn, thay đổi việc cháu hiện nay đang trực tiếp chung sống với chị X. Do đó, cần giao cháu Huỳnh Minh N cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, là phù hợp. Đối với cháu Huỳnh Thị Minh T hiện đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị X tạm thời chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Thanh X đối với anh Huỳnh Văn P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Huỳnh Thị Thanh X được ly hôn anh Huỳnh Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Huỳnh Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị X, anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006071 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Thủy Xuân, TP Huế, tỉnh TTHuế.*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế